

Số: 01/2026/NQ-HĐND

Thuy Hùng, ngày 16 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định tổng mức chi trong xây dựng
Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân xã
và Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân xã**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn quy định tổng mức chi trong xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn;

Xét Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã quy định tổng mức chi trong xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân xã và quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân xã; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá – Xã hội Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp thứ Ba;

Hội đồng nhân dân xã ban hành Nghị quyết quy định tổng mức chi trong xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân xã và quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân xã Thuy Hùng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định tổng mức chi trong xây dựng nghị quyết quy

phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân xã và quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân xã theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ xây dựng hoặc tham gia xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân xã và quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân xã Thụy Hùng.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Tổng mức chi trong xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân xã

1. Trường hợp xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật mới hoặc thay thế: 10.000.000 đồng/văn bản.

2. Trường hợp xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều thì áp dụng như sau:

a) Nghị quyết quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên thì áp dụng bằng tổng mức chi trong xây dựng 01 nghị quyết quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Nghị quyết quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng bằng 60% tổng mức chi trong xây dựng 01 nghị quyết quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng bằng 30% tổng mức chi trong xây dựng 01 nghị quyết quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này.

(Có biểu chi kèm theo)

Điều 4. Tổng mức chi trong xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân xã

1. Trường hợp xây dựng quyết định quy phạm pháp luật mới hoặc thay thế: 8.000.000 đồng/văn bản.

2. Trường hợp xây dựng quyết định quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều thì áp dụng như sau:

a) Quyết định quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên thì áp dụng bằng tổng mức chi trong xây dựng 01 quyết định quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Quyết định quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng bằng 60% tổng mức chi trong xây dựng 01 quyết định quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp xây dựng quyết định quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng bằng 30% tổng mức chi trong xây dựng 01 quyết định quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này.

(Có biểu chi kèm theo)

Điều 5. Nguồn kinh phí

Kinh phí xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân xã và quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân xã do ngân sách xã bảo đảm, được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của Ủy ban nhân dân xã theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo Hội đồng nhân dân xã về kết quả thực hiện theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2026.

2. Nghị quyết của Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã và quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đã được ban hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì được bổ sung dự toán và thanh, quyết toán theo tổng mức chi quy định tại Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Thụy Hùng khóa XXI, kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

Bế Thăng Long

Phụ lục
ĐỊNH MỨC CHI CHO TỪNG NHIỆM VỤ XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THUỘC THẨM QUYỀN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THỤY HÙNG

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Thụy Hùng)

STT	Nhiệm vụ, hoạt động/Tổng mức chi	Tỷ lệ %/ 1 văn bản	Trường hợp ban hành mới hoặc thay thế		Trường hợp sửa đổi bổ sung một số điều		Trường hợp bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ	
			Nghị quyết của HĐND	Quyết định của UBND	Nghị quyết của HĐND	Quyết định của UBND	Nghị quyết của HĐND	Quyết định của UBND
1	2	3	4	5	6	7	8	9
		100%	10.000.000	8.000.000	6.000.000	4.800.000	3.000.000	2.400.000
1	Bộ phận trực tiếp dự thảo văn bản	30%	3.000.000	2.400.000	1.800.000	1.440.000	900.000	720.000
2	Bộ phận tổ chức thẩm định dự thảo văn bản	20%	2.000.000	1.600.000	1.200.000	960.000	600.000	480.000
3	Ban HĐND tổ chức thẩm tra dự thảo văn bản	20%	2.000.000	1.600.000	1.200.000	960.000	600.000	480.000
4	Ký duyệt ban hành văn bản	25%	2.500.000	2.000.000	1.500.000	1.200.000	750.000	600.000
5	Văn thư	3%	300.000	240.000	180.000	144.000	90.000	72.000
6	Kế toán	2%	200.000	160.000	120.000	96.000	60.000	48.000